

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư
thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 30/9/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1237/BGPMB-HT ngày 21/10/2021 của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 863/TTr-STNMT ngày 25/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư thôn An Quang (sau đây gọi là Dự án) của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện

tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND xã Cát Khánh theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của các đơn vị trực tiếp khai thác trong quá trình khai thác và vận chuyển đất từ dự án đến công trình theo các nội dung yêu cầu tại Báo cáo ĐTM.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

5. Trường hợp Dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Ban Giải phóng mặt bằng phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Khánh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP PHỤC VỤ
THI CÔNG DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ THÔN AN QUANG,
XÃ CÁT KHÁNH, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA BAN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Khu tái định cư thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Số 20 Ngô Thời Nhiệm, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3747786

1.4. Địa điểm thực hiện Dự án: thôn Ngãi An, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1.5. Phạm vi, quy mô

- Diện tích huy động vào khai thác: 3,25 ha.

- Công suất và thời gian khai thác: theo nhu cầu, tiến độ thi công dự án Khu tái định cư thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đê Gi mô tả tại Văn bản số 1031/BGPMB-HT ngày 01/9/2021 của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cụ thể:

+ Thời gian khai thác: 06 tháng (từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022).

+ Tổng trữ lượng đất huy động khai thác là 171.116 m³ đất nguyên khai/năm, trong đó: Tháng 12/2021 khai thác 28.500 m³ và từ tháng 1-5/2022 khai thác trữ lượng còn lại 142.616 m³.

- Thời gian khai thác trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Phương pháp khai thác: chia nhỏ làm 03 Khu khai thác cho 3 nhà thầu thi công, mở vỉa khai thác đồng thời tại 03 vị trí (phía Tây của Khu vực I; phía Bắc Khu vực II và phía Đông Bắc khu vực III); khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, theo hướng từ Tây sang Đông với chiều sâu khai thác trung bình 4,35 m; kết thúc khai thác, địa hình mở thoải dần từ cao độ +76m đến +18,5m. Sử dụng 04 máy đào (dung tích gầu 0,8 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo quy định của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: 01 hồ lắng phía Đông Bắc với thể tích khoảng 2.700 m³; 02 hố giảm tốc (phía Đông Nam thể tích 448 m³ và phía Tây Bắc thể tích 480 m³), mương thu gom nước mưa về hồ lắng có tổng chiều dài khoảng 764 m, mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận có chiều dài khoảng 85 m, nhà vệ sinh di động.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất, có chiều dài 278 m x chiều rộng 7,0 m).

- Khu vực phụ trợ khoảng 900 m² (tại sân công nghiệp) để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động và bãi tập kết xe.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn đất) gây nguy cơ sa bồi ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực phía Đông và phía Nam dự án.

- Các tác động không liên quan đến chất thải: hoạt động vận chuyển đất đến công trình gây nguy cơ hư hỏng tuyến các tuyến đường; ảnh hưởng an toàn giao thông.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 1,92 m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 33.994 m³/ngày (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình thực hiện san lấp.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 7,2 - 14,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án:

- + Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 69 kg/năm.
- + Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 05 kg/năm.
- + Dầu nhớt thải bỏ khi sửa chữa xe (Mã CTNH: 17 06 01): khoảng 532 lít/năm (phát sinh tại gara sửa chữa).

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị để thu gom, xử lý khi bể đầy.

- Xử lý nước mưa chảy tràn

+ Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ (kích thước: Dài 764 m x Rộng 2,1 m x Cao 1,0 m), kết cấu là mương đất hở, được gia cố bằng rọ đá và được bố trí 02 hố giảm tốc để giảm tốc độ dòng chảy; mương đất dẫn nước từ hồ lắng ra mương hiện trạng (kích thước: Dài 85 m x Rộng 1,9 m x cao 1,0 m), kết cấu mương đất, được gia cố đảm bảo.

+ Hồ lắng phía Đông Bắc (tọa độ: 1.560.424; 599.403) có thể tích khoảng 2.700 m³ (kích thước: Dài 45 m x Rộng 20 m x Sâu 3 m) được thiết kế 02 ngăn, gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$).

+ Quy trình thu gom, xử lý: nước mưa chảy tràn → mương thu gom xung quanh khu mỏ → hồ lắng → mương thoát nước → mương đất hiện trạng phía Đông Bắc Dự án.

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Tạo mương (kích thước: Dài 4,0 m x Rộng 3,0 m x Sâu 0,5 m) để vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi khu mỏ, thường xuyên nạo vét và bổ sung thêm nước để đảm bảo hiệu quả xử lý của mương.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí các thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom lượng bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng và hệ thống mương thu gom, thoát nước, mương rửa bánh xe; lưu chứa đảm bảo.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn theo quy định (bố trí tại khu vực nhà tạm) để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dèng xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hồ lắng và mương thoát nước mưa ra suối đảm bảo không gây sa bồi ảnh hưởng đến thoát nước tại khu vực.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực dự án	04 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2.	San gạt lại mặt bằng dự án	2.925 m ³	Không tạo hố lồi lõm, tạo độ nghiêng về phía Đông, thuận lợi cho quá trình thoát nước, trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước, hồ lắng, hồ giảm tốc	5.699 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.
4.	Tháo dỡ cống thoát nước qua đường	4,72 tấn		
5.	Tháo dỡ rọ đá gia cố mương thu nước	152,8 m ³		
6.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	40 m ²		
7.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án	3,25 ha	Phủ xanh khu vực khai thác.	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác và hoàn thành việc san gạt hoàn thổ phục hồi môi trường
8.	Đo vẽ bản đồ địa hình	3,25 ha	Giám sát độ sâu khai thác.	Sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **524.499.000 đồng** (Năm trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 01 lần với tổng số tiền **524.499.000 đồng**; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 01 hồ lắng phía Đông Bắc; 02 hồ giảm tốc phía Đông Nam và Tây Bắc; mương thu gom nước mưa về hồ lắng; mương thoát nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận.

- Nhà vệ sinh di động.
- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án

5.1. *Giám sát nước thải đầu ra tại hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.*

5.2. *Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 02 điểm trên tuyến đường qua khu dân cư; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*

5.3. *Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*